**Trường THCS Cẩm Thịnh Họ và tên GV: Nguyễn Thị Giang**

**Tổ Khoa học Xã hội**

**BÀI 2. TRUYỆN THƠ NÔM**

**Tiết 17, 18, 19: Đọc hiểu văn bản**

**CẢNH NGÀY XUÂN**

**(Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. MỤC TIÊU**Nguyễn Hải Định Sđt: 0973.252.136 Địa chi: Trường THCS Bách Thuận- Vũ Thư- Thái Bình haidinh0879@gmail.com**1. Năng lực**

**\*. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (kết cấu, ngôn ngữ, hình ảnh,...) đoạn trích *Cảnh ngày xuân* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du).

- Phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ của tác giả;...) mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản *Cảnh ngày xuân* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)*.*

**\*. Năng lực chung**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại truyện thơ Nôm, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng; biết thông cảm và chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

\*Nội dung tích hợp, lồng ghép

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi), KHBD

**2. Học liệu:**

- SGK, SGV tài liệu tham khảo.

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

- Clip liên quan đến bài học.

.....

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nguyễn Du và *Truyện Kiều*** | |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Nguyễn Du** | - Tên tuổi, quê quán: ................................  - Cuộc đời:............................................................  - Sự nghiệp (các tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm)............................... |
| **Truyện Kiều** | - Xuất xứ:.............................................................  - Thể loại:............................................................  - Tóm tắt bố cục:........................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **TÌM HIỂU CHUNG VỀ ĐOẠN TRÍCH** | |
| **Đoạn trích *Cảnh ngày xuân*** | - Vị trí đoạn trích:...................................................................................  - Nội dung chính:………………………………………………………  - Nhân vật: ..............................................................................................  - Bố cục: ……………………………………………………………….  …………………………………………………………………………. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 PHÚT)**

**1. Mục tiêu:** Tạo không khí hào hứng; kiểm tra việc chuẩn bị bài, tạo kiến thức nền về truyện thơ Nôm để HS bước đầu tiếp cận cách đọc hiểu văn bản *Cảnh ngày xuân* và kết nối vào bài học.

**2. Nội dung:** GV sử dụng PPDH trực quan, KT tổ chức trò chơi để HS tham gia trả lời các câu hỏi liên quan đến Nguyễn Du

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: Học sinh giải ô chữ hàng dọc gồm 5 chữ cái, tương ứng với 5 câu hỏi. Mỗi câu hỏi với mỗi câu trả lời đúng sẽ mở ra được một ô chữ cái tương ứng. 5 chữ cái đó sẽ được sắp xếp ngẫu nhiên.  **Câu hỏi.**  **Câu 1.** Những câu ca dao chủ yếu được viết theo thể thơ nào?  **Câu 2.** Điền từ con thiếu trong hai dòng thơ sau  “*Bao giờ ngàn Hống hết cây*  *.....................hết nước họ này hết quan*”  **Câu 3.** Cảm hứng nổi bật trong đoạn trích “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*” là gì?  **Câu 4.** Ô may mắn, lật được luôn chữ cái.  **Câu 5.** Bài thơ “*Bánh trôi nước*” của Hồ Xuân Hương viết về đề tài gì?  \* **Cách thức:** GV cho học sinh chọn câu hỏi, GV đọc câu hỏi, học sinh trả lời nhanh. GV có cách thức quy định phần thưởng cho câu trả lời hàng ngang và hàng dọc.  GV phát vấn: Bạn nào biết Tố Như chính là ai?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **-**  HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS nhận xét, góp ý câu trả lời của bạn.  Dự kiến TL:  **Câu 1:** Thể loại ***lục bát***  **Câu 2:** ***Sông Lam***  **Câu 3:** Cảm hứng ***nhân đạo***  **Câu 4:** Chữ cái ***H***  **Câu 5:** Đề tài ***người phụ nữ***  \* Ô chữ hàng dọc: **Tố Như**  ->**Tố Như** chính là **Nguyễn Du**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV tổng kết trò chơi, khen thưởng HS giải được ô chữ bí mật và dẫn dắt vào bài học. |  |

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (113p)**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được đặc điểm của truyện thơ Nôm, cách xác định đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học

- HS trình bày được những nét chính về tác giả, và những đặc điểm nổi bật, khái quát của văn bản *Cảnh ngày xuân.*

- HS hiểu được nét đặc sắc về hình ảnh, nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật..

- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của khung cảnh ngày xuân và tâm trạng của các nhân vật trong cảnh ngày xuân

- HS nhận biết được và phân tích được yếu tố đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích *“Cảnh ngày xuân”*

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác, nêu vấn đề và kĩ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫnHS đọc hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung** *(30 phút)* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ: HS thực hiện theo cặp  Đọc phần tri thức Ngữ văn SGK Tr. 35, 36 hãy suy nghĩ và hoàn thành bảng sau:  + Hoàn thành phiếu học tập số 1  + Thời gian 5 phút  - GV đưa đáp án, HS tiến hành chấm chéo bài của nhau (2 phút)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp PHT số 1  - HS chấm chéo bài của nhau  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  - HS giơ tay trả lời miệng  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận | **1. Kiến thức Ngữ văn: Truyện thơ Nôm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Khái niệm | Là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm thường dùng thể thơ lục bát để kể chuyện. | | | Đặc điểm | Đề tài, chủ đề | Mở rộng, phong phú, giàu cảm hứng nhân đạo và có giá trị hiện thực sâu sắc. | | Cốt truyện | - Lấy nguồn từ văn học dân gian hoặc văn học Trung Quốc hoặc do tác giả tự sáng tác.  - Thường được triển khai theo trình tự thời gian với mô hình gồm ba chặng: Gặp gỡ - Lưu lạc (hoặc Thử thách) – Đoàn tụ. | | Nhân vật chính | **-** Thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau bao gồm các nhân vật chính diện (đại diện cho cái thiện, chính nghĩa) và các nhân vật phản diện (đại diện cho cái ác, phi nghĩa). | | Đặc điểm lời thoại | - Lời đối thoại là lời các nhân vật trao đổi với nhau trong một cuộc hội thoại.  - Lời độc thoại là lời của nhân vật nói với chính mình hoặc nói với một người nào đó trong tưởng tượng. Độc thoại thường diễn tả suy nghĩ, tình cảm đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật. | | Thể thơ | - Lục bát | | Ngôn ngữ | Ngôn ngữ giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, được “tinh chế” bởi ngòi bút tài hoa của tác giả | | Vai trò | Đóng góp vào sự phát triển ngôn ngữ văn học và thể thơ lục bát của dân tộc | |
|  | **2. Tác giả - tác phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và phiếu học tập số 1  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận chia sẻ cặp đôi  **Bước 3. Báo cáo kết quả thảo luận.**  - GV yêu cầu học sinh đại diện cặp đôi trình bày kết quả trong phiếu HT  - Các cặp còn lại quan sát, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định.**  GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và khả năng trình bày trước lớp.  - GV kết luận thông tin chính về tác giả, tác phẩm. GV chiếu một số hình ảnh về tác giả, tác phẩm *Truyện Kiều*. | **a. Tác giả**  - **Tên tuổi, quê quán:** Nguyễn Du hiệu là Thanh Hiên, tên chữ là Tố Như, sống ở cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX; xuất thân trong gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn chương ở Nghi Xuân- Hà Tĩnh.  - **Cuộc đời:** Cuộc đời Nguyễn Du chìm nổi gian truân, đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều hạng người. Ông từng trải, vốn sống phong phú, có nhận thức sâu rộng.  **- Sự nghiệp sáng tác**  + Tác phẩm bằng chữ Hán: *Thanh Hiên thi tập,* *Nam trung tạp ngâm*; *Bắc hành tạp lục*  + Tác phẩm viết bằng chữ Nôm: T*ruyện Kiều, Văn chiêu hồn (Văn tế thập loại chúng sinh)* … |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện **phiếu học tập số 01** (4 phút)  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ, thể loại, nội dung chính, bố cục của tác phẩm và vị trí đoạn trích  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  **Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: “*Đoạn trường tân thanh*” hay còn gọi là “*Truyện Kiều*”, dựa theo cốt truyện “*Kim Vân Kiều truyện*” của Thanh Tâm Tài Nhân (TQ) nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du rất lớn.  - Thể loại: Truyện thơ Nôm (Thể thơ: Lục bát)  - Bố cục:  Phần 1. *Gặp gỡ và đính ước*  Phần 2. *Gia biến lưu lạc*  Phần 3. *Đoàn tụ*  **c. Đoạn trích *Cảnh ngày xuân***  - Vị trí: Đoạn trích nằm nằm ở phần 1 *Gặp gỡ và đính ước.* |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhóm 2 HS trao đổi với nhau về kết quả đọc trực tiếp ở nhà. Mõi bạn có 1 phút 30 giây để trao đổi  - HS đọc diễn cảm bài thơ trước lớp. Các HS khác đánh giá kết quả đọc diễn cảm dựa trên bảng kiểm sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  | | Ngắt nhịp đọc hợp lí |  |  | | Tốc độ đọc phù hợp |  |  | | Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với nội dung tình cảm,  cảm xúc được thể hiện trong bài thơ |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ (1). Sau khi GV nhận xét về nhiệm vụ (1) cả lớp thực hiện nhiệm vụ (2).  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**  -Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. -HS đọc diễn cảm. Các HS khác đánh giá kết quả đọc theo bảng kiểm đã công bố.  **Bước 4. Đánh giá kết quả:**  -GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động *Trải nghiệm cùng VB*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này.  -GV nhận xét kết quả đọc diễn cảm và cách HS đánh giá đồng đẳng ở hoạt động này. | **3. Hướng dẫn đọc**  **a. Đọc, chú thích** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS trình bày một phút nêu rõ nội dung chính, nhân vật, bố cục của đoạn trích  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**: học sinh trao đổi  **Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **b. Đặc điểm thể loại**  - Nội dung chính: Đoạn thơ kể và tả về chuyến du xuân của chị em Thúy Kiều trước khi gặp Kim Trong.  - Nhân vật: chị em Thuý Kiều (Thuý Kiều và hai em là Thuý Vân và Vương Quan).  - Bố cục: Bố cục 3 phần theo trình tự thời gian của cuộc du xuân.  + 4 câu đầu: Khung cảnh thiên nhiên ngày xuân  + 8 câu tiếp: Chị em Thúy Kiều tham gia lễ hội ngày xuân  + 6 câu cuối: Chị em Kiều du xuân trở về. |
|  | **II. Đọc hiểu văn bản** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức hoạt động theo cặp và nêu yêu cầu: Đọc đoạn trích, xác định ngôi kể, điểm nhìn và các sự việc được kể trên hành trình du xuân của chị em Thuý Kiều.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thảo luận theo cặp  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - GV chọn 2 HS đại diện cho 2 cặp trả lời.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **1-Nội dung bao quát, phân tích cốt truyện**  **-** Ngôi kể và điểm nhìn:Ngôi kể thứ ba, điểm nhìn của người kể chuyện  - Sự việc được kể:  + Sự việc 1: Mùa xuân đã sang tháng thứ ba (4 câu đầu)  + Sự việc 2: Chị em Thuý Kiều tham gia lễ tảo mộ, hội đạp thanh (8 câu tiếp)  + Sự việc 3: Chị em Thuý Kiều du xuân trở về (6 câu cuối) |
| ***B1 Chuyển giao nhiệm vụ***  ***Hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm***  ***Thời gian: 10 phút***  - Nhóm 1: 4 câu đầu   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ ..**  ***Tìm hiểu cảnh thiên nhiên mùa xuân (bốn câu thơ đầu)*** | | | | **Yêu cầu** | **Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc** | **Ý nghĩa, tác dụng** | | 1. Chỉ rõ và phân tích tác dụng các dấu hiệu nghệ thuật qua các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong hai câu thơ đầu. | *con én đưa thoi* | .............................. | | *thiều quang* | .............................. | | *ngoài sáu mươi* | .............................. | | 2. Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ gợi tả cảnh sắc mùa xuân trong hai câu thơ tiếp. | .................................... | .............................. | | .................................... | .............................. | | .................................... | .............................. | | 3. Nhận xét chung về bút pháp tả cảnh, từ đó nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong bốn câu thơ đầu. | | | |  | | |   - Nhóm 2: 8 câu tiếp  *1) Có những hoạt động nào trong tết Thanh minh? Từ ngữ nào trong hai dòng thơ đầu đã thể hiện rõ điều đó?*  *(2) Không khí lễ hội ngày xuân được tái hiện như thế nào (từ ngữ, hình ảnh) trong 6 dòng thơ tiếp theo?*  *(3) Đánh giá chung về: việc sử dụng ngôn ngữ miêu tả trong tám dòng thơ và thái độ, tình cảm của nhà thơ đối với giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.*  - Nhóm 3: 6 câu cuối  *Chứng minh rằng: sáu dòng thơ cuối không chỉ tái khung cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về mà nó là bức tranh nhuốm màu tâm trạng con người (mối quan hệ giữa cảnh vật và tâm trạng của chị em Thuý Kiều trong đoạn trích).*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thảo luận theo nhóm  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - GV chọn 1 HS đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  GV bình: | **2. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh đặc sắc**  **a.** **Nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên (bốn dòng thơ đầu)**  \* Hai câu thơ đầu:  “*Ngày xuân con én đưa thoi,*  *Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.* ”  - hình ảnh ẩn dụ: “*con én đưa thoi*”.  🡪 Gợi những bước đi nhanh, vội của thời gian như những cánh chim vụt bay.  - “*thiều quang*”: tả thực những tia nắng lấp lánh của ngày xuân.  🡪 Gợi một không gian ngày xuân tươi đẹp, rực rỡ, trong lành.  - “*ngoài sáu mươi*”: thời điểm vào tháng ba của mùa xuân – tháng mà thiên nhiên đạt đến độ viên mãn nhất, rực rỡ nhất.  => Hình ảnh thơ gợi về sự chuyển động nhanh, vội của mùa xuân cũng đồng thời thể hiện chút tiếc nuối thời gian của con người.  \* Hai câu thơ tiếp:  “*Cỏ non xanh tận chân trời,*  *Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*”  - hình ảnh “*cỏ non*”: gợi liên tưởng đến sức sống tràn trề của mùa xuân.  - từ “*tận*”: không gian xuân như được mở rộng bao la, bát ngát.  - hình ảnh “*cành lê trắng điểm*”: trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng làm cho không gian như thoáng đạt, nhẹ nhàng và thanh khiết hơn.  - từ “*điểm*” gợi sự thanh thoát, như đôi tay của người họa sĩ vẽ nên, khiến cảnh vật như sống động, có hồn chứ không tĩnh tại.  - biện pháp đảo ngữ: đảo từ “*trắng*” lên trước làm cho sắc trắng hoa lê thêm tinh khôi, như kết tinh những tinh hoa của trời đất.  🡪 Với bút pháp chấm phá tài tình, Nguyễn Du đã rất thành công khi phác họa một bức tranh ngày xuân khoáng đạt, tinh khôi, trong trẻo và tràn trề sức sống. Đồng thời, gợi lên được bao cảm xúc tươi vui, phấn chấn cũng như chút bâng khuâng, tiếc nuối trong lòng nhân vật trữ tình.  **b. Nghệ thuật miêu tả cảnh lễ hội (tám dòng thơ tiếp)**  *\* Những hoạt động trong tiết Thanh minh (hai câu thơ đầu)*  “*Thanh minh trong tiết tháng ba,*  *Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.*”  *-* nghệ thuật tiểu đối: tách hai từ “lễ hội” ra làm đôi để gợi tả hai hoạt động diễn ra  cùng một lúc trong tiết thanh minh:  + “Lễ tảo mộ”: đi viếng và sửa sang phần mộ của người thân, gia đình, tổ tiên.  + “Hội đạp thanh”: đi chơi xuân ở chốn đồng quê và giẫm lên cỏ xanh.  *\* Không khí của ngày hội xuân (sáu câu thơ tiếp)*  *“Gần xa nô nức yến anh,*  *Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*  *Dập dìu tài tử giai nhân,*  *Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*”  - danh từ “yến anh”, “chị em”, “tài tử”, “giai nhân": gợi tả sự đông vui, tấp nập trong ngày hội xuân.  - động từ “sắm sửa”, “dập dìu”: gợi tả không khí rộn ràng, náo nhiệt trong ngày hội.  - tính từ: “gần xa”, “nô nức” gợi tả tâm trạng hồ hởi, phấn khởi của người đi hội.  - hình ảnh ẩn dụ “nô nức yến anh”: gợi hình ảnh từng đoàn người đi chơi xuân, đông đúc, dập dìu.  - hình ảnh so sánh *“ngựa xe như nước, áo quần như nêm”:* gợi tả sự đông đúc của từng dòng người đi trẩy hội.  *“Ngổn ngang gò đống kéo lên,*  *Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.*”  - hình ảnh “ngổn ngang gò đống”, “tro tiền giấy bay”: gợi không gian tĩnh lặng, lạnh lẽo, linh thiêng và hoạt động sửa sang, rắc vàng vó, hóa tiền giấy cho những người đã khuất.  => truyền thống văn hóa, đạo lí “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của người Việt.  🡪 Với việc sử dụng ngôn ngữ miêu tả khéo léo, chọn lọc, tinh tế, đoạn thơ đã làm sống lại không khí lễ hội mùa xuân một cách sinh động. Từ đó, có thể thấy Nguyễn Du là người am hiểu, trân trọng gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.  ***c.* Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sáu dòng thơ cuối)**  *Tà tà bóng ngả về tây,*  *Chị em thơ thẩn dan tay ra về.*  *Bước dần theo ngọn tiểu khê*  *Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.*  *Nao nao dòng nước uốn quanh,*  *Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*  - hình ảnh “tà tà bóng ngả về tây”: diễn tả cảnh mặt trời đang lặn, ánh nắng cuối ngày đang tắt dần, không gian đang mờ tối.  => Gợi không gian buồn vắng, tĩnh lặng và tâm trạng bâng khuâng tiếc nuối.  - hình ảnh “tiểu khê”, “cầu nho nhỏ”: gợi khung cảnh nhỏ bé, thân thuộc.  - từ láy “thơ thẩn”: gợi sự bần thần, vẩn vơ, lan man trong dòng suy nghĩ.  + từ láy “nao nao”: gợi sự xao động lặng lẽ trong tâm trạng con người.  => Sử dụng thành công hệ thống từ láy cùng bút pháp tả cảnh ngụ tình, đoạn thơ đã tái hiện khung cảnh chiều tà rất đỗi gần gũi, thân quen nhưng sống động như có linh hồn, vừa phảng phất một nỗi u buồn, tiếc nuối vừa mang vẻ đẹp tao nhã của con người. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ  ? Nêu chủ đề, tư tưởng tình cảm, thông điệp của đoạn trích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3-Tìm hiểu chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp của văn bản.**  - Chủ đề: bức tranh thiên nhiên sống động, tuyệt đẹp với khung cảnh lễ hội truyền thống đông vui, náo nhiệt.  - Tư tưởng tình cảm: Nguyễn Du bằng sự cảm nhận tinh tế và tài hoa trong cách sử dụng hệ thống ngôn ngữ thơ, ông đã thành công trong việc xây dựng bối cảnh cho câu chuyện, đồng thời bộc lộ những tâm tư sâu sắc của nhân vật chính.  - Thông điệp: yêu thiên nhiên, quê hương; trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Kĩ thuật trình bày một phút câu hỏi:**  ***?*** *Nêu những đặc sắc nội dung, nghệ thuật của VB “Cảnh ngày xuân” và thông điệp của tác giả.*  *Qua đọc hiểu văn bản đoạn trích, em rút ra được những bài học gì trong việc đọc hiểu thể loại truyện thơ Nôm?*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét.  **\* Bước 3. Báo cáo, thảo luận**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá.  **\* Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **III.Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Đoạn trích vừa kể về chuyến du xuân của chị em Thúy Kiều vừa gợi tả bức tranh thiên nhiên ngày xuân tuyệt đẹp và không khí náo nhiệt, nhộn nhịp trong tiết thanh minh.  - Từ đó thể hiện một tâm hồn nhạy cảm tinh tế, đa sầu đa cảm của chị em Thuý Kiều trước cảnh cũng như tấm lòng của nhà thơ Nguyễn Du với những giá trị văn hóa truyền thống.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - **Thể thơ**: Lục bát với cách ngắt nhịp chẵn là chủ yếu, cách gieo vần uyển chuyển tạo nên âm điệu nhẹ nhàng, da diết.  - **Ngôn ngữ**: Chữ Nôm giàu hình ảnh mang tính ước lệ tượng trưng.  - Bút pháp chấm phá, tả cảnh ngụ tình.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ như liệt kê, ẩn dụ .....  **3. Cách đọc hiểu truyện thơ Nôm**  - Xác định chủ đề của đoạn trích.  - Xác định được nhân vật, cốt truyện, bối cảnh của đoạn trích  - Nắm được vị trí của đoạn trích trong cốt truyện.  - Nội dung và ý nghĩa của đoạn trích  - Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật tự sự (diễn biến sự việc), miêu tả tâm lí (diễn biến nội tâm), nghệ thuật sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật khác, …  - Rút ra được thông điệp ý nghĩa/ bài học thiết thực cho bản thân. |

**III. Hoạt động 3,4: Luyện tập- vận dụng** *(Thời gian: 15 phút)*

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và đoạn văn của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập 1:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:

Gv cho HS tham gia cuộc **“Ai nhanh hơn”** để trả lời 10 câu hỏi để kiểm tra việc tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du và đoạn trích *Cảnh ngày xuân*.

**Câu 1:** Sáng tác của Nguyễn Du bao gồm?

A.  Chữ Hán và chữ Quốc ngữ

**B. Chữ Hán và chữ Nôm.**

C. Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

D. Chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

**Câu 2:** Đâu **không** phải là tác phẩm của Nguyễn Du?

**A. Ức Trai thi tập.**

B. Thanh Hiên thi tập.

C. Văn tế thập loại chúng sinh.

D. Nam trung tạp ngâm

**Câu 3:**Tác phẩm *“Truyện Kiều”* sáng tác trong giai đoạn nào?

A. Văn học dân gian.

**B. Văn học Trung đại.**

C. Văn học 1930- 1945

D. Văn học cách mạng 1945- 1975.

**Câu 4:** Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* nằm trong phần nào của tác phẩm *Truyện Kiều*?

**A. Gặp gỡ và đính ước**

B.Gia biến và lưu lạc

C. Đoàn tụ

D. Sau khi Thúy Kiều chia tay Kim Trọng.

**Câu 5:** Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* chia thành mấy phần.

A. Hai  
**B. Ba**  
C. Bốn  
D. Năm

**Câu 6:** Cảnh sắc mùa xuân được gợi tả qua 4 dòng thơ đầu như thế nào?

A. Hình ảnh chim én chao liệng trên bầu trời khoáng đạt tràn ngập ánh sáng của bình minh.  
B. Vẻ đẹp của cỏ non xanh gợi nên sự mát mẻ, tinh khôi, tràn trề sức sống.  
C. Hình ảnh hoa lê trắng điểm xuyết khiến cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn.  
**D. Cả 3 đáp án trên.**

**Câu 7:** Trong câu thơ “*Dập dìu tài tử, giai nhân/ Ngựa xe như nước, áo quần như nêm”* sử dụng các phép tu từ gì?

A. Nhân hóa, ẩn dụ.

**B. Liệt kê, so sánh.**

C. Liệt kê, nhân hóa.

D. Nhân hóa, so sánh.

**Câu 8:** Tâm trạng của chị em Thúy Kiều khi trẩy hội trở về được diễn tả như thế nào?

A. Vui vẻ, háo hức, hồ hởi vì được đi du xuân vui vẻ.

**B. Tâm trạng bâng khuâng, xao xuyến đượm nỗi buồn man mác dịu nhẹ.**

C. Tâm trạng lo lắng, u sầu, chán nản.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

**Câu 9:** Đâu **không phải** là nghệ thuật nổi bật trong đoạn trích “*Cảnh ngày xuân*”?

1. Hình ảnh trang trọng mang yếu tố ước lệ, tượng trưng.
2. **Ngôn ngữ chữ Nôm bình dị, đời thường, gần gũi với đời sống.**

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình.

D. Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật.

**Câu 10:** Những câu thơ dưới đây là của tác giả nào viết về Nguyễn Du?

*Tiếng thơ ai động đất trời*

*Nghe như non nước vọng lời ngàn thu*

*Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du*

*Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày*

**A. Tố Hữu.**

B. Hồ Chí Minh.

C. Nguyễn Khoa Điềm.

D. Trần Đăng Khoa.

**2. Bài tập 2: Trong đoạn trích trên, em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?**

**Ví dụ**: hình ảnh hoa cỏ mùa xuân, hình ảnh lễ hội

**Bước 1:** Chọn hình ảnh

**Bước 2**: Lí giải tại sao lại lựa chọn hình ảnh đó

**Bước 3:** Cảm nhận về hình ảnh trên phương diện nội dung và nghệ thuật

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2p)**

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;

- Chuẩn bị tìm đọc truyện thơ “*Truyện Lục Vân Tiên*” của Nguyễn Đình Chiểu, chuẩn bị các phiếu HT, câu hỏi chính trong VB “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”.